

Số: 1104 /QĐ-UBND

Giang thành, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai Quyết định giao cho tiết danh mục công trình đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Giang Thành (lần 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIANG THÀNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Giang Thành, phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Giang Thành (lần 1);*

*Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh An Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành Về việc giao chi tiết danh mục công trình đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Giang Thành (lần 1);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai Quyết định giao chi tiết danh mục công trình đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Giang Thành (lần 1), cụ thể như sau:

1. Tổng kinh phí phân bổ: 15.357 triệu đồng (Mười lăm tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu đồng).



2. Nguồn thực hiện:

- Vốn cân đối ngân sách: 10.500 triệu đồng.
- Nguồn vốn thu tiền Xổ số kiến thiết: 4.500 triệu đồng.
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 357 triệu đồng.

3. Chi tiết kinh phí và các cơ quan, đơn vị: theo Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

4. Hình thức công khai: Niêm yết công khai rộng rãi trên bảng niêm yết tại Trung tâm phục vụ Hành chính công, cổng thông tin điện tử, Đài phát thanh xã.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận: *Đã*

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND xã;
- LĐVP, CVPT;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Tạ Hiệp





**DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Giang Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT         | Danh mục dự án                                                                         | Địa điểm<br>XD ấp   | Quy mô đầu tư                                         | Thời<br>gian<br>khởi<br>công -<br>hoàn | Quyết định đầu tư                |      | Kế hoạch<br>năm 2026 | Tổng số<br>Công<br>trình | Chủ đầu tư    | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------|----------------------|--------------------------|---------------|---------|
|            |                                                                                        |                     |                                                       |                                        | Số QĐ,<br>ngày,<br>tháng,<br>năm | TMĐT |                      |                          |               |         |
|            | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                       |                     |                                                       |                                        |                                  |      | <b>15.357</b>        | <b>5</b>                 |               |         |
| <b>I</b>   | <b>NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN<br/>SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>                                      |                     |                                                       |                                        |                                  |      | <b>10.500</b>        | <b>5</b>                 |               |         |
| <b>1</b>   | <b>Lĩnh vực giao thông</b>                                                             |                     |                                                       |                                        |                                  |      | <b>10.500</b>        | <b>5</b>                 |               |         |
| 1          | San lấp mặt bằng đoạn cuối bờ kè<br>chống sạt lở kênh Vĩnh Tế                          | Khánh Hòa           | San lấp 12.000m <sup>2</sup>                          | 2026                                   |                                  |      | 3.000                | 1                        | Phòng Kinh tế |         |
| 2          | Đường kênh Chùa đầu nối (giai đoạn 2)                                                  | Tà Teng             | Nâng cấp, mở rộng đường<br>giao thông nông thôn 1,4km | 2026                                   |                                  |      | 2.200                | 1                        | Phòng Kinh tế |         |
| 3          | Xây mới Đường Kênh HN3 Bờ Tây<br>(đoạn nối tiếp)                                       | Khánh Tân           | 1,0kmx3,5m                                            | 2026                                   |                                  |      | 2.500                | 1                        | Phòng Kinh tế |         |
| 4          | Đường Cà ngay - Rạch Gổ (đoạn từ cầu<br>kênh Quốc phòng đến đường sông<br>Giang Thành) | Cà Ngay-<br>Rạch Gổ | Duy tu, Sửa chữa giao thông<br>nông thôn 400m         | 2026                                   |                                  |      | 800                  | 1                        | Phòng Kinh tế |         |
| 5          | Nâng cấp, sửa chữa đường Trà Phọt                                                      | Trà Phọt            | Mặt đường 3,5m, nền<br>đường 5,5m 4km                 | 2026                                   |                                  |      | 2.000                | 1                        | Phòng Kinh tế |         |
| <b>II</b>  | <b>NGUỒN VỐN THU TIỀN XỔ SỔ<br/>KIẾN THIẾT</b>                                         |                     |                                                       |                                        |                                  |      | <b>4.500</b>         |                          |               |         |
| 1          | Nâng cấp, sửa chữa đường Trà Phọt                                                      | Trà Phọt            | Mặt đường 3,5m, nền<br>đường 5,5m 4km                 | 2026                                   |                                  |      | 4.500                |                          | Phòng Kinh tế |         |
| <b>III</b> | <b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                      |                     |                                                       |                                        |                                  |      | <b>357</b>           |                          |               |         |
| 1          | Nâng cấp, sửa chữa đường Trà Phọt                                                      | Trà Phọt            | Mặt đường 3,5m, nền<br>đường 5,5m 4km                 | 2026                                   |                                  |      | 357                  |                          | Phòng Kinh tế |         |